

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 635/2022/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Kim O, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: 1 kiệt 123 đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: D, xã Đ, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 1 kiệt 123 đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Kim O và anh Nguyễn Đức Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đặng Thị Kim O và anh Nguyễn Đức Q quá trình chung sống sinh được 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2013. Hiện nay, cháu M đang sống cùng với chị O.

Nay ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thoả thuận về con chung như sau: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2013 cho chị Đặng Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Kim O và anh Nguyễn Đức Q cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Đặng Thị Kim O phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và anh Nguyễn Đức Q phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng chị O và anh Q tự nguyện thỏa thuận chị O chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nên hoàn trả cho chị O số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) căn cứ biên lai số 0004487 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường An Cựu, thành phố Huế;
(ĐKKH số 15/2012, quyền số 01/2012, ngày 30/10/2012)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê